

- a) Tên doanh nghiệp;
- b) Số và ngày Giấy phép đầu tư điều chỉnh;
- c) Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);
- d) Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh;
- đ) Vốn điều lệ;
- e) Họ, tên và địa chỉ của các cổ đông sáng lập;
- f) Họ, tên và địa chỉ thường trú của người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần.

2. Khi thay đổi nội dung trên, Công ty cổ phần phải công bố những thay đổi đó theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng quản lý đối với việc chuyển đổi của doanh nghiệp và hoạt động của Công ty cổ phần theo thẩm quyền, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Định kỳ 6 tháng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ và thừa ủy quyền của Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tình hình thực hiện việc chuyển đổi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành Công ty cổ phần.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Việc lựa chọn doanh nghiệp để chuyển đổi được thực hiện trong thời hạn 1 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Sau thời hạn 2 năm, kể từ ngày Nghị định này

có hiệu lực, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng các Bộ, ngành liên quan tổng kết việc thực hiện Nghị định này và báo cáo kết quả với Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan khác có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 51/2003/QĐ-TTg ngày 15/4/2003 về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2003 - 2005.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và Tổng công ty nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 01/2003/CT-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội và đặc điểm kinh tế xã hội của địa phương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2003 - 2005 như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc theo đúng nội dung và tiến độ đã được duyệt.

Điều 3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình trong việc thực hiện Phương án này.

Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện Phương án này, đồng thời kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và

Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

Phụ lục

DANH MỤC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI GIAI ĐOẠN 2003 - 2005

(ban hành kèm theo Quyết định số 51/2003/QĐ-TTg ngày 15/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ).

I. Những doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

1. Doanh nghiệp giữ nguyên pháp nhân:

- Công ty Khai thác công trình thủy lợi;
- Công ty Dịch vụ môi trường công trình đô thị thị xã Hòa Bình;
- Công ty Cấp thoát nước;
- Công ty Phát triển nhà và đô thị;
- Công ty Xổ số kiến thiết;
- Xí nghiệp In;
- Công ty Sách và thiết bị trường học;
- Công ty Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công.

2. Doanh nghiệp giữ nguyên pháp nhân để thực hiện theo chương trình sắp xếp tổng thể nông, lâm trường:

- Nông trường Cao Phong;
- Nông trường Thanh Hà;
- Nông trường Sông Bôi;
- Nông trường 2 - 9;
- Nông trường Cửu Long;
- Lâm trường Mai Châu;
- Lâm trường Sông Đà.

II. Doanh nghiệp thực hiện các hình thức sắp xếp:

1. Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

a) Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa mà Nhà nước giữ cổ phần thấp nhất 51% khi bán cổ phần lần đầu:

Năm 2003:

Công ty Du lịch Hòa Bình.

b) Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, Nhà nước giữ dưới 50% cổ phần hoặc không nắm giữ cổ phần trong công ty:

Năm 2003:

- Công ty Dược và Trang thiết bị y tế;
- Công ty Xây dựng lâm nghiệp;
- Công ty Thương mại;
- Công ty Công nghệ phẩm;
- Xí nghiệp Trồng và Chế biến dược liệu;
- Công ty Xây dựng thủy lợi;
- Công ty Cung ứng vật tư khoáng sản;
- Công ty Vôi đá Lương Sơn;

- Công ty Dịch vụ nông nghiệp;
- Công ty Xi măng Lương Sơn Hòa Bình.

Năm 2004:

- Công ty May xuất khẩu 3 - 2 Hòa Bình;
- Công ty Bia Hòa Bình;
- Công ty Tư vấn xây dựng;
- Công ty Tư vấn xây dựng giao thông;
- Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi.

Năm 2005:

- Công ty Sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp;

- Công ty Nông sản thực phẩm;
- Công ty Xây dựng;
- Công ty Mía đường.

Trong quá trình thực hiện, những doanh nghiệp có quy mô vốn nhà nước dưới 5 tỷ đồng mà không cổ phần hóa được thì Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình chỉ đạo thực hiện theo Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước và Nghị định số 49/2002/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/1999/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp thực hiện giao, bán:

Năm 2003:

- Xí nghiệp Chè Lạc Sơn;
- Công ty Vật tư - Vật liệu xây dựng;
- Công ty Phát hành sách - Nhiếp ảnh;
- Công ty Xuất nhập khẩu;
- Công ty Lâm đặc sản.

Năm 2005:

Xí nghiệp Thuộc dân tộc;

3. Doanh nghiệp chuyển sang Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam:

Năm 2003:

- Lâm trường Lạc Sơn;

- Lâm trường Tân Lạc.

4. Doanh nghiệp thực hiện giải thể:

Năm 2003:

- Xí nghiệp Sản xuất vật liệu xây dựng Công an;

- Công ty Vật liệu Xây dựng;

- Công ty liên doanh Đầu tư phát triển khoáng sản.

5. Doanh nghiệp thực hiện phá sản:

Năm 2003:

- Công ty Cây công nghiệp./.

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng chính phủ số 52/2003/QĐ-TTg ngày 15/4/2003 về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đến năm 2005.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và Tổng công ty nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 01/2003/CT-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đặc điểm kinh tế xã hội của địa phương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đến năm 2005 như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc theo đúng nội dung và tiến độ đã được duyệt.

Điều 3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trong việc thực hiện phương án này.

Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện Phương án này, đồng thời kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.